

Bản án số: 184/2018/DS-PT
Ngày: 16/8/2018
V/v tranh chấp về dân sự ranh giới
quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Mỹ

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Vĩnh

Bà Nguyễn Thị Võ Trinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Kim Xuyên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Ông Bùi Văn Thân - Kiểm sát viên.

Ngày 16/8/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2018/TLPT-DS, ngày 12/01/2018 về việc tranh chấp dân sự ranh giới quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 80/2017/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 54/2018/QĐ-PT ngày 08 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Võ Minh G, sinh năm 1972;

Địa chỉ: số 176 khóm B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Đào Hữu S, sinh năm 1946;

Địa chỉ: số 187B khóm B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của ông S là ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1973. Địa chỉ: Số 78, ấp V, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 05/3/2018).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Đào Mai Huỳnh T, sinh năm 1982;

Địa chỉ: số 187B khóm B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của Huỳnh T là ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1973. Địa chỉ: Số 78, ấp V, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 05/3/2018).

2. Nguyễn Thị Ánh Tu, sinh năm 1977;

3. Võ Thị Kim H, sinh năm 1960;

Cùng địa chỉ: số 176 khóm B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

4. Nguyễn Thị U, sinh năm 1934 (đã chết ngày 29/7/2017).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị Út:

4.1 Chị Võ Thị B, sinh năm 1958;

Địa chỉ: số 87B khóm B 2, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

4.2 Chị Võ Thị Kim H, sinh năm 1960;

Địa chỉ: số 176 khóm B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

4.3 Anh Võ Minh To, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Số 143 khóm B1, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

4.4 Anh Võ Văn H1, sinh năm 1964;

Địa chỉ: số 397 khóm B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

4.5 Anh Võ Minh V, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Ấp Long T, xã Ô Long V, huyện C, tỉnh An Giang;

4.6 Anh Võ Minh Đo, sinh năm 1972;

Địa chỉ: số 709, ấp Bình L, xã B1, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

4.7 Anh Võ Minh G, sinh năm 1972;

Địa chỉ: số 176 khóm B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Theo đơn kháng cáo của ông Võ Minh G là nguyên đơn

(Ông G, ông Đ, bà Tu có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn anh Võ Minh G trình bày:

Ngày 22/7/2013 anh G được Nhà nước cấp quyền sử dụng đất thửa 95, tờ bản đồ số 53, diện tích 883,6m², đất tọa lạc tại khóm B, thị trấn L, huyện L, Đồng Tháp. Thửa đất 95 do anh G đứng tên quyền sử dụng có 02 cạnh giáp ranh thửa đất số 3, tờ bản đồ số 49, diện tích 4149m² do ông Đào Hữu S đứng tên quyền sử dụng. Do trong quá trình sử dụng đất, vào tháng 01/2013 ông S đã thuê máy kobe mức con mương lạng thì anh G có ngăn cản nhưng ông S vẫn mức gần hết con mương lạng có chiều dài khoảng 18 m, chiều sâu khoảng 40 cm thuộc quyền sử dụng đất thửa 95 của anh G, nên anh G khởi kiện yêu cầu ông S phải giao trả phần đất lấn chiếm có diện tích 68,76m² thuộc một phần của thửa đất số 95, tờ bản đồ số 53 do anh Võ Minh G đứng tên quyền sử dụng. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của anh G là diện tích thực tế của thửa đất số 95 hiện nay thiếu diện tích so với quyền sử dụng đất được cấp, 01 mô đất cao hơn mặt đất một ít và là

mô đất được cha anh G trồng chuối khi còn sống. Ngày 15/4/2016 anh G thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể anh G yêu cầu ông S trả lại phần đất lấn chiếm có diện tích 48,2m² (Từ M1 đến M2 đến M3 theo sơ đồ đo đạc thực tế phần đất tranh chấp được duyệt ngày 27/4/2015 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện L). Ngày 12/4/2017 anh G yêu cầu ông S và thành viên trong hộ khẩu ông S là chị Đào Mai Huỳnh T trả lại cho anh G phần lấn chiếm có diện tích 48,2m² thuộc một phần của thửa đất số 95, tờ bản đồ số 53 do Võ Minh G đứng tên quyền sử dụng.

Tại biên bản hòa giải ngày 12/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện L và quá trình xét xử, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày là anh G giữ nguyên yêu cầu trên và chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của nguyên đơn 01 mô đất trồng chuối như anh G đã trình bày, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 95 do anh G đứng tên và hồ sơ cấp đổi thửa đất 703 sang bản đồ địa chính chính quy thành thửa 95 trên, vì khi đó ông S có ký tên giáp ranh. Bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 95 hiện anh G đang giữ. về giá trị đất và tài sản có trên đất tranh chấp thì anh G thống nhất với giá trị mà Hội đồng định giá đã kết luận theo biên bản định giá tài sản ngày 13/01/2016.

Ngoài ra để chứng minh cho yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp, nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn cho rằng thửa đất 95 có nguồn gốc của ông bà để lại cho cha anh G là ông Võ Văn C (đã chết năm 2014) trước năm 1975 và ông C sử dụng đất liên tục, được Nhà nước cấp quyền sử dụng đất. Năm 2006 ông C tách quyền sử dụng đất cho con là ông Võ Văn H, phần đất còn lại ông C được Nhà nước cấp quyền sử dụng đất thửa 703, tờ bản đồ số 5a, diện tích 452m² (trong đó 152m² đất ở tại đô thị và 300m² đất trồng cây lâu năm). Ngày 07/4/2006 ông C đã cho anh G thửa đất 703 trên và anh G được Nhà nước cấp quyền sử dụng đất. Đến ngày 22/7/2013 anh G được cấp đổi thửa đất 703 sang bản đồ địa chính chính quy thành thửa đất số 95, tờ bản đồ số 53, diện tích 883,6m² (trong đó 152m² đất ở tại đô thị và 751,6m² đất trồng cây lâu năm). Lý do diện tích đất thửa 95 tăng lên là do trước đây khi cha anh G được cấp quyền sử dụng đất chỉ kê khai và được cấp quyền sử dụng chứ không đo đạc thực tế. về con mương lạng mà anh G tranh chấp với ông S thì anh G trình bày là do ông nội anh G đào rất lâu, đào trước khi cho đất ông C và khi ông nội anh G cho đất cha anh G đã cho luôn con mương này, năm 2006 cha anh G cho lại anh G phần đất trên bao gồm một phần con mương lạng đang tranh chấp.

- Người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày là ông Đào Hữu S thừa nhận thực tế đang đứng tên và sử dụng thửa đất số 3, tờ bản đồ số 49, diện tích 4149m² như anh G đã trình bày và thửa đất này có 01 cạnh đang tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất với anh G. Nguồn gốc thửa đất số 3 là của ông bà để lại cho ông ngoại ông S, năm 1973 ông ngoại ông S chết nên mẹ ông S tiếp tục sử dụng đất, năm 1980 mẹ ông S đã chuyển nhượng lại cho ông S và ông S đã sử dụng đất liên tục từ năm 1980, đến năm 1995 ông S đi kê khai và được cấp quyền sử dụng đất thửa 135, tờ bản đồ 5a diện tích đất 3.140m². Ngày 14/5/2009 ông S được cấp đổi thửa đất 135, tờ bản đồ 5a sang bản đồ địa chính chính quy thành thửa đất số 3, tờ bản đồ số 49, diện tích 4149m² và sử dụng đất liên tục đến nay. Lý do thửa đất số 3 thừa diện tích hơn thửa 135 trước đó là do trong quá trình ông S sử dụng đất, mẹ ông S có cho ông S phần đất có bờ tre giáp thửa đất 135 của ông S, ông S

đã phá bờ tre và sử dụng nên khi cấp đổi năm 2009 đã bao gồm luôn bờ tre. Đất của ông S có 01 cạnh trước đây tiếp giáp đất ông C, hiện nay giáp ranh với đất anh G và anh Võ Văn H. Khi ông S và ông C sử dụng đất, do là bà con cô cậu họ nên ông S có đồng ý cho ông C lấy đất bên đất của ông S đắp thành bờ bên đất ông C, do vậy mới có con mương lạng như anh G trình bày. Năm 2012 ông S lên vườn thửa đất số 3 và kêu máy kobe mức đất làm bờ và mức luôn cả con mương lạng anh G đang tranh chấp. Khi ông S kêu máy mức con mương lạng anh G không có tranh chấp, mà năm 2014 anh G bắt đầu tranh chấp con mương lạng với ông S. Ông S xác định con mương lạng trước đây và hiện nay là con mương nước mà anh G tranh chấp là con mương thuộc quyền sử dụng thửa đất số 3 của ông S.

Ông S thừa nhận có ký tên vào biên bản xác định ranh giới, mốc giới để anh G cấp đổi thửa đất đang tranh chấp theo bản đồ địa chính chính quy như người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đã trình bày, nhưng ông S không đồng ý căn cứ vào biên bản xác định ranh giới, mốc giới này để xác định ranh đất giữa thửa đất số 3 của ông S với thửa đất số 95 của anh G. Do ông S không lấn chiếm đất do anh G đứng tên quyền sử dụng nên ông S không đồng ý giao trả diện tích đất 48,2m² theo yêu cầu của anh G. Đối với bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 3 do ông S đứng tên, trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày là hiện ông S đang giữ, tuy nhiên tại phiên tòa lại cho rằng bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 3 ông S đang thế chấp ở Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện L để vay tiền. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn thì bị đơn tự di dời hàng rào lưới B40, trụ đá ra khỏi đất tranh chấp, về giá trị đất và tài sản có trên đất tranh chấp thì ông S thống nhất với giá trị mà Hội đồng định giá đã kết luận theo biên bản định giá tài sản ngày 13/01/2016.

Người đại diện hợp pháp của chị Nguyễn Thị Anh Tu và chị Võ Thị Kim H trình bày là chị Tu là vợ anh Võ Minh G, chị H là chị gái của anh Võ Minh G, chị Tu và chị H là thành viên trong hộ khẩu của anh G. Trong vụ án tranh chấp về ranh giới quyền sử dụng đất giữa anh G và ông S thì chị Tu và chị H không ý kiến và yêu cầu gì mà giao cho anh G được toàn quyền quyết định, về giá trị đất và tài sản có trên đất tranh chấp thì chị Tu và chị H thống nhất với giá trị mà Hội đồng định giá đã kết luận theo biên bản định giá tài sản ngày 13/01/2016.

Anh Võ Minh G, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị U trình bày là bà Nguyễn Thị U là mẹ ruột của anh G, khi bà út còn sống thì bà U là thành viên trong hộ khẩu của anh G và sinh sống cùng nhà với anh G. Ngày 29/7/2017 bà U chết và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng hiện nay của bà U gồm Võ Thị B, Võ Thị Kim H, Võ Minh To, Võ Văn H, Võ Minh V, Võ Minh Đo và Võ Minh G. Là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị U thì anh G không yêu cầu gì về giá trị đất và tài sản có trên đất tranh chấp thì anh G thống nhất với giá trị mà Hội đồng định giá đã kết luận theo biên bản định giá tài sản ngày 13/01/2016.

Người đại diện hợp pháp của chị Đào Mai Huỳnh T trình bày là chị T là con gái của ông Đào Hữu S, là thành viên trong hộ khẩu ông S. Trong vụ án tranh chấp về ranh giới quyền sử dụng đất giữa anh G và ông S thì chị T không yêu cầu gì mà để ông S được toàn quyền quyết định, về giá trị đất và tài sản có trên đất

tranh chấp thì chi T thống nhất với giá trị mà Hội đồng định giá đã kết luận theo biên bản định giá tài sản ngày 13/01/2016.

Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện L đã quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu của anh Võ Minh G về việc tranh chấp về ranh giới quyền sử dụng đất đối với ông Đào Hữu S.

2. Xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa đất số 95 do anh Võ Minh G đứng tên quyền sử dụng với thửa đất số 3 do hộ ông Đào Hữu S đứng tên quyền sử dụng là:

- Mốc M1: Cách góc nhà sau của anh Võ Minh G 23,35m và một cạnh có chiều dài 26m.

- Mốc M3: Cách góc nhà sau của anh Võ Minh G một cạnh có chiều dài 41,3m và một cạnh có chiều dài 41,8m.

Nối mốc M1 đến mốc M3 có chiều dài 18,92m sẽ là ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa đất số 95 và thửa đất số 3, đất tọa lạc tại khóm B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (có biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 24/4/2015 và sơ đồ đo đạc thực tế phần đất tranh chấp kèm theo).

Ranh giới quyền sử dụng đất đã được xác định nên người có quyền sử dụng đất được sử dụng không gian và lòng đất theo chiều thẳng đứng từ ranh giới trong khuôn viên đất, các tài sản có trên ranh giới đã được xác định phải được di dời.

Các đương sự được đến cơ quan có thẩm quyền để đăng ký điều chỉnh diện tích đất như kết quả đo đạc thực tế và được xác định ranh giới quyền sử dụng đất.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, thời hạn kháng cáo của các đương sự và quyền yêu cầu thi hành án.

- Sau khi án sơ thẩm tuyên, ông Võ Minh G là nguyên đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Võ Minh G giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu Tòa án phúc thẩm chấp nhận yêu cầu buộc hộ ông Đào Hữu S trả lại phần đất lấn chiếm diện tích 48.2 m² thuộc một phần thửa số 95, tờ bản đồ số 53 do ông Võ Minh G đứng tên quyền sử dụng đất, tọa lạc tại ấp B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến về vụ án:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý xem xét giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Võ Minh G, sửa án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét thấy diện tích đất 48,2m² đang tranh chấp về ranh giới quyền sử dụng đất giữa anh G và ông S là con mương nước và phần đất cạp con mương nước

hiện hộ ông S đang sử dụng, trên đất có hàng rào lưới B40, dựng trụ đá của ông S. Năm 2012 ông S lên vườn thửa đất số 3 và kê máy kobe mức đất làm bờ và mức luôn cả con mương lạng trước đây, khi đó anh G có biết nhưng không tranh chấp, mà đến năm 2014 mới phát sinh tranh chấp. Qua đo đạc thực tế thì diện tích đất thửa đất 95 của anh G tăng diện tích đất đến 29m² (chưa bao gồm phần đất tranh chấp với bà Võ Thị M có diện tích 26,5m² và phần đất tranh chấp với ông Đào Hữu S có diện tích 48,2m²), nên anh G đã căn cứ vào hình thể thửa đất số 95 theo bản đồ địa chính chính quy và sơ đồ ranh giới, mốc giới của thửa đất 95 có chữ ký của ông S, cũng như hiện trạng sử dụng đất để làm căn cứ chứng minh.

Ông S, người đại diện hợp pháp của ông S không đồng ý căn cứ vào biên bản xác định ranh giới, mốc giới khi cấp đổi thửa đất số 95 cho anh G có chữ ký của ông S để xác định ranh đất giữa thửa đất số 3 của ông S với thửa đất số 95 của anh G, mà cho rằng phần đất tranh chấp có diện tích 48,2m² thuộc quyền sử dụng thửa đất số 3 của ông S và hàng rào lưới B40, trụ đá có trên đất tranh chấp được ông S dựng khi mức đất năm 2012 mới là ranh giới quyền sử dụng đất giữa đất ông S và đất anh G.

Thực tế thửa đất số 95 và thửa đất số 3 đang tranh chấp đều được cấp đổi sang bản đồ địa chính chính quy, thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có đo đạc thực tế, có thể hiện hình thể và kích thước các cạnh. Nhưng khi Tòa án xem xét, thẩm định tại chỗ đất tranh chấp thì thửa đất số 95 và thửa đất số 3 đều thừa diện tích hơn quyền sử dụng đất được cấp.

Bên cạnh đó, tại bản án số 36/2016/DS – ST ngày 05/10/2016 của Tòa án nhân dân huyện L về việc tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất giữa ông Võ Văn H và ông Đào Hữu S, đã quyết định giữ nguyên hiện trạng sử dụng đất là con mương, từ mốc 1 (điểm M1) đến mốc 2 (điểm M4). Nối mốc 1 đến mốc 2 thành một đường thẳng có chiều dài 6,65 m sẽ là ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa 94 và thửa 03 (có biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 24/4/2015 và sơ đồ đo đạc thực tế phần đất kèm theo). Bản án nêu trên có hiệu lực pháp luật nhưng ông Võ Văn H không có kháng cáo thì xem như thống nhất với bản án sơ thẩm. Do phần tranh chấp ranh đất của ông H (anh ông G) với ông S, ông H thừa nhận như vậy cũng phù hợp với sơ đồ tranh chấp giữa ông G và ông S. Mặt khác hình thể sơ đồ đo đạc đất của ông S đã được ông G ký giáp ranh tương ứng với hiện trạng đất mà cấp sơ thẩm tuyên (Từ M1 đến M3).

Do anh G khởi kiện nhưng không có chứng cứ để chứng minh phần đất tranh chấp với ông S có diện tích 48,2m² thuộc quyền sử dụng thửa đất số 95, anh G cũng không chứng minh được ông S lấn chiếm diện tích đất 48,2m² nên việc anh G yêu cầu ông S và thành viên trong hộ khẩu gia đình ông S là chị Đào Mai Huỳnh T trả lại đất tranh chấp có diện tích 48,2m² là không có căn cứ nên không được Tòa án chấp nhận. Mà cần xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa đất số 95 do anh Võ Minh G đứng tên quyền sử dụng với thửa đất số 3 do hộ ông Đào Hữu S đứng tên quyền sử dụng tính từ mốc M1 đến mốc M3 có chiều dài 18,92m theo sơ đồ đo đạc thực tế phần đất tranh chấp có trong hồ sơ vụ án là căn cứ, phù hợp Điều 175 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Do đó Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông Võ Minh G là có căn cứ và đúng theo quy định pháp luật.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông G, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, nên ông G phải chịu tiền án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Võ Minh G

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 80/2017/DS-ST ngày 27/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện L.

Không chấp nhận yêu cầu của anh Võ Minh G về việc tranh chấp về ranh giới quyền sử dụng đất đối với ông Đào Hữu S.

Xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa đất số 95 do anh Võ Minh G đứng tên quyền sử dụng với thửa đất số 3 do hộ ông Đào Hữu S đứng tên quyền sử dụng là:

- Mốc M1: Cách góc nhà sau của anh Võ Minh G 23,35m và một cạnh có chiều dài 26m.

- Mốc M3: Cách góc nhà sau của anh Võ Minh G một cạnh có chiều dài 41,3m và một cạnh có chiều dài 41,8m.

Nối mốc M1 đến mốc M3 có chiều dài 18,92m sẽ là ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa đất số 95 và thửa đất số 3, đất tọa lạc tại khóm B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (có biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 24/4/2015 và sơ đồ đo đạc thực tế phần đất tranh chấp kèm theo).

Ranh giới quyền sử dụng đất đã được xác định nên người có quyền sử dụng đất được sử dụng không gian và lòng đất theo chiều thẳng đứng từ ranh giới trong khuôn viên đất, các tài sản có trên ranh giới đã được xác định phải được di dời.

Các đương sự được đến cơ quan có thẩm quyền để đăng ký điều chỉnh diện tích đất như kết quả đo đạc thực tế và được xác định ranh giới quyền sử dụng đất.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Võ Minh G phải chịu 219.500đ (Hai trăm mười chín nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm; nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) theo biên lai số 029853 ngày 12/01/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Anh G còn phải nộp thêm 19.500đ (Mười chín nghìn năm trăm đồng).

Án phí dân sự phúc thẩm:

Võ Minh G phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí kháng cáo theo biên lai số 02122 ngày 11/12/2017 của Chi cục Thi hành án huyện L, như vậy ông D đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản số tiền 8.147.000 đồng (Tám triệu một trăm bốn mươi bảy nghìn đồng), anh G phải nộp anh G đã nộp xong).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh ĐT;
- TAND huyện L;
- CCTHADS huyện L;
- Phòng GDKTNV và THA;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HSVA (M)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thanh Mỹ